

Số: 2204/QĐ-BGTVT
CỤC QUẢN LÝ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 35.18.....

Ngày 04 tháng 8 năm 2013

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố định mức dự toán một số công tác xây dựng - Dự án Tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường Quốc gia (Bước 2 - Giai đoạn I)

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2223/QĐ-BGTVT ngày 22/7/2004 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt đầu tư dự án và các Quyết định số 42/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2007, số 2356/QĐ-BGTVT ngày 19/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt điều chỉnh đầu tư dự án Tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường quốc gia (Giai đoạn 1);

Trên cơ sở Quyết định số 785/QĐ-TCĐBVN ngày 14/5/2012 của Tổng cục Đường Bộ Việt Nam về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán xây dựng định mức Kinh tế - Kỹ thuật thuộc gói thầu Tư vấn lập định mức, dự án Tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường quốc gia (Bước 2 - Giai đoạn 1);

Xét Tờ trình số 58/TTr-TCĐBVN ngày 08/7/2013 của Tổng cục Đường Bộ Việt Nam về việc xin phê duyệt và công bố một số định mức thuộc Dự án Tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường Quốc gia (Bước 2 - Giai đoạn 1) kèm theo các định mức do Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng lập;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng & Chất lượng CTGT, kèm theo báo cáo thẩm định số 507/CQLXD-HHKĐT ngày 26/7/2013,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố định mức dự toán do Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng lập cho một số công tác xây dựng thuộc Dự án Tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường Quốc gia (Bước 2 - Giai đoạn 1), gồm 12 nhóm định mức như sau:**I. Nhóm định mức về công tác kiểm định cầu:**

1. Xác định độ võng tĩnh của dầm.
2. Xác định độ võng do hoạt tải đặt tĩnh của dầm.

3. Đo ứng suất dầm.
4. Đo ứng suất bản mặt cầu.
5. Đo dao động kết cấu nhịp.
6. Đo dao động và chuyển vị mố trụ cầu.

II. Nhóm định mức về công tác xây lắp:

1. Công tác thi công cọc:

- 1.1. Nối cọc bê tông cốt thép bằng hộp thép tấm, kích thước cọc 35x35cm.
- 1.2. Sản xuất, lắp dựng cốt thép cọc khoan nhồi sử dụng phương pháp nối cốt thép bằng cóc nối, đường kính cốt thép >18mm.

2. Công tác thi công dầm bê tông cốt thép:

- 2.1. Lắp dầm bản bê tông dự ứng lực bằng cầu trên cạn, khẩu độ dầm 24m.
- 2.2. Vận chuyển dầm Supper T bằng đường sông, trọng lượng dầm >60 tấn.
- 2.3. Di chuyển dầm Supper T, trọng lượng dầm >60 tấn.
- 2.4. Nâng hạ dầm Super T, trọng lượng dầm >60 tấn.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2.

2.1. Định mức dự toán xây dựng công trình kèm theo Quyết định này là căn cứ để lập và quản lý chi phí xây dựng công trình thuộc Dự án Tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường Quốc gia (Bước 2 - Giai đoạn 1). Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Tổng cục Đường Bộ Việt Nam tổng hợp, báo cáo Bộ GTVT để điều chỉnh cho phù hợp, tuân thủ đúng theo quy định hiện hành.

2.2. Trong quá trình thực hiện, Tổng cục Đường Bộ Việt Nam chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện theo các nội dung đã nêu trong Báo cáo thẩm định số 507/CQLXD-HHHKĐT ngày 26/7/2013 của Cục Quản lý xây dựng & CL CTGT.

Điều 3. Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng & CL CTGT, Vụ trưởng các Vụ KHĐT, Vụ KHCN, Vụ Tài chính, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường Bộ Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Kho bạc NN liên quan;
- Tổng Cục ĐBVN;
- Ban QLDA6;
- Đơn vị thi công, TVTK (Ban QLDA6 sao gửi);
- Lưu VT, CQLXD (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Hồng Trường

PHỤ LỤC

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN MỘT SỐ CÔNG TÁC XÂY DỰNG

Dự án tín dụng ngành giao thông vận tải để cải tạo mạng lưới đường quốc gia (Bước 2 - Giai đoạn 1)

(Kèm theo Quyết định số 2204 /QĐ-BGTVT ngày 29 /07/2013)

1). ĐQ.100.10 XÁC ĐỊNH ĐỘ VÔNG TỈNH CỦA DÀM

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị thiết bị, vật liệu;
- Đánh dấu vị trí đo; đặt Mía tại các vị trí cần đo; đo cao độ đáy dầm tại các điểm đã đánh dấu;
- Tháo dỡ thiết bị; vệ sinh, thu dọn hiện trường;

Đơn vị tính: 1 điểm đo

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
ĐQ.100	Xác định độ vồng tĩnh của dầm	<i>Vật liệu</i>		
		Sơn đỏ	kg	0,01
		Mia	cái	0,005
		Thước thép	cái	0,01
		Sổ ghi chép	quyển	0,05
		Vật liệu khác	%	5
		<i>Nhân công</i>		
		Công nhân bậc 4,0/7	công	0,02
		Kỹ sư bậc 4,0/8	công	0,01
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy tính xách tay	ca	0,01
		Máy thủy bình	ca	0,01
				10

Ghi chú

1. Định mức được xác định với điều kiện thực hiện ≥ 30 điểm đo/nhịp. Khi thực hiện dưới 30 điểm đo/nhịp thì hao phí nhân công, máy thi công được điều chỉnh với hệ số k theo các trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp thực hiện từ 20 đến dưới 30 điểm đo/nhịp: $k=1,2$
- Trường hợp thực hiện từ 10 đến dưới 20 điểm đo/nhịp: $k=1,5$
- Trường hợp thực hiện < 10 điểm đo/nhịp: $k=1,8$

2. Hao phí cho công tác chuẩn bị dàn giáo, ca nô,... phục vụ công tác kiểm định (nếu có) được bổ sung vào định mức đối với từng trường hợp cụ thể.

2). ĐQ.100.20 XÁC ĐỊNH ĐỘ VỒNG DO HOẠT TẢI ĐẶT TĨNH CỦA DẦM

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị nhân lực, vật liệu, thiết bị;
- Đánh dấu vị trí đo độ vồng; đánh giấy ráp, đá mài làm phẳng bề mặt kết cấu, lau sạch bề mặt kết cấu bằng dung dịch axeton; gắn thiết bị đo;
- Kiểm tra chế độ làm việc của các thiết bị bằng xe thử tải;
- Cho xe ra khỏi cầu để đọc ghi và lưu số không tải;
- Cho xe vào vị trí để đọc ghi và lưu số có tải;
- Mỗi sơ đồ thử tải đo ít nhất 03 lần;
- Tháo dỡ thiết bị; vệ sinh, thu dọn hiện trường;

Đơn vị tính: 1 điểm đo

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
ĐQ.100	Xác định độ võng do hoạt tải đặt tĩnh của dầm	Vật liệu		
		Keo dính chuyên dụng	hộp	0,2500
		Giấy ráp	m2	0,0500
		Đá mài	viên	0,0500
		Dây thép không rỉ	kg	0,2500
		Axeton	lít	0,1000
		Sổ ghi chép	quyển	0,0500
		Vật liệu khác	%	5
		Nhân công		
		Công nhân bậc 4,0/7	công	0,55
		Kỹ sư bậc 4,0/8	công	0,06
		Máy thi công		
		Thiết bị đo chuyển vị Indicator	ca	1,18
		Máy tính xách tay	ca	0,04
		Máy phát điện 5kV	ca	0,04
		Máy bộ đàm	ca	0,16
				20

Ghi chú

1. Định mức được xác định với điều kiện thực hiện đo cầu có kết cấu nhịp giản đơn và số lượng ≥ 10 điểm đo/mặt cắt. Khi thực hiện dưới 10 điểm đo/mặt cắt và khi xác định độ vồng động của cầu có kết cấu nhịp liên tục thì hao phí nhân công, máy thi công được điều chỉnh với hệ số k theo các trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp thực hiện từ 5 đến dưới 10 điểm đo/mặt cắt: $k=1,5$
- Trường hợp thực hiện <5 điểm đo/mặt cắt: $k=2$
- Trường hợp thực hiện đo cầu có kết cấu nhịp liên tục: $k=3$

2. Trong định mức chưa bao gồm tải trọng thí nghiệm dùng để đo (hoạt tải và tải trọng đi kèm trên nó).

3. Hao phí cho công tác chuẩn bị dàn giáo, ca nô,... phục vụ công tác kiểm định (nếu có) được bổ xung vào định mức đối với từng trường hợp cụ thể.



3). ĐQ.100.30 ĐO ỨNG SUẤT DẦM

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị thiết bị, vật liệu;
- Đánh dấu vị trí đo ứng suất; đánh giấy ráp, đá mài làm phẳng bề mặt kết cấu, lau sạch bề mặt kết cấu bằng dung dịch axeton; dán lá điện trở;
- Kết nối dây đo với lá điện trở và máy đo ứng suất; kiểm tra kết nối giữa các thiết bị;
- Kiểm tra chế độ làm việc của các thiết bị bằng xe thử tải;
- Cho xe ra khỏi cầu để đọc ghi và lưu số không tải;
- Cho xe vào vị trí để đọc ghi và lưu số có tải;
- Mỗi sơ đồ thử tải đo ít nhất 03 lần;
- Tháo dỡ thiết bị; vệ sinh, thu dọn hiện trường;

Đơn vị tính: 1 điểm đo

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
ĐQ.100	Đo ứng suất dầm	Vật liệu		
		Lá đatric điện trở	lá	1,3330
		Keo dính chuyên dụng	hộp	0,2500
		Axeton	lít	0,2000
		Giấy ráp	m2	0,0500
		Đá mài	viên	0,1000
		Vật liệu khác	%	5
		Nhân công		
		Công nhân bậc 4,0/7	công	0,53
		Kỹ sư bậc 4,0/8	công	0,08
		Máy thi công		
		Máy đo ứng suất điện tử	ca	1,43
		Máy tính xách tay	ca	0,04
		Máy phát điện 5kV	ca	0,04
		Máy bộ đàm	ca	0,16
				30

Ghi chú

1. Định mức được xác định với điều kiện thực hiện đo cầu có kết cấu nhịp giản đơn và số lượng ≥ 30 điểm đo/mặt cắt. Khi thực hiện dưới 30 điểm đo/mặt cắt và đo ứng suất dầm cầu có kết cấu nhịp liên tục thì hao phí nhân công, máy thi công được điều chỉnh với hệ số k theo từng trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp thực hiện từ 20 đến dưới 30 điểm đo/mặt cắt: $k=1,2$
- Trường hợp thực hiện từ 10 đến dưới 20 điểm đo/mặt cắt: $k=1,5$
- Trường hợp thực hiện <10 điểm đo/mặt cắt: $k=2$
- Trường hợp thực hiện đo cầu có kết cấu nhịp liên tục: $k=3$

2. Định mức được xác định với điều kiện thực hiện đo bằng máy đo ứng suất điện tử. Trường hợp thực hiện đo bằng đồng hồ đo biến dạng thì hao phí máy đo ứng suất điện tử được thay bằng đồng hồ đo biến dạng và không tính hao phí vật liệu lá đatric điện trở.

3. Trong định mức chưa bao gồm tải trọng thí nghiệm dùng để đo (hoạt tải và tải trọng đi kèm trên nó).

4. Hao phí cho công tác chuẩn bị dân giáo, ca nô,... phục vụ công tác kiểm định (nếu có) được bổ xung vào định mức đối với từng trường hợp cụ thể.



4). ĐQ.100.40 ĐO ỨNG SUẤT BẢN MẶT CẦU

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị thiết bị, vật liệu;
- Đánh dấu vị trí đo ứng suất; đánh giấy ráp, đá mài làm phẳng bề mặt kết cấu; dùng dung dịch axeton lau sạch bề mặt kết cấu; dán lá điện trở;
- Kết nối dây đo với lá điện trở và máy đo ứng suất; kiểm tra kết nối giữa các thiết bị;
- Kiểm tra chế độ làm việc của các thiết bị bằng xe thử tải;
- Cho xe ra khỏi cầu để đọc ghi và lưu số không tải;
- Cho xe vào vị trí để đọc ghi và lưu số có tải;
- Mỗi sơ đồ thử tải đo ít nhất 03 lần;
- Tháo dỡ thiết bị; vệ sinh, thu dọn hiện trường;

Đơn vị tính: 1 điểm đo

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
ĐQ.100	Đo ứng suất bản mặt cầu	Vật liệu		
		Lá đatric điện trở	lá	1,3330
		Keo dính chuyên dụng	hộp	0,2625
		Aaxeton	lít	0,2100
		Giấy ráp	m2	0,0525
		Đá mài	viên	0,1050
		Vật liệu khác	%	5
		Nhân công		
		Công nhân bậc 4,0/7	công	0,56
		Kỹ sư bậc 4,0/8	công	0,08
		Máy thi công		
		Máy đo ứng suất điện tử	ca	1,50
		Máy tính xách tay	ca	0,04
		Máy phát điện 5kV	ca	0,04
		Máy bộ đàm	ca	0,17
				40

Ghi chú

1. Định mức được xác định với điều kiện thực hiện đo cầu có kết cấu nhịp giản đơn và số lượng ≥ 6 điểm đo/mặt cắt. Khi thực hiện dưới 6 điểm đo/mặt cắt và đo ứng suất dầm cầu có kết cấu nhịp liên tục thì hao phí nhân công, máy thi công được điều chỉnh với hệ số k theo từng trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp thực hiện <6 điểm đo / mặt cắt: k=1,2
- Trường hợp thực hiện đo cầu có kết cấu nhịp liên tục: k=1,5

2. Định mức được xác định với điều kiện thực hiện đo bằng máy đo ứng suất điện tử. Trường hợp thực hiện đo bằng đồng hồ đo biến dạng thì hao phí máy đo ứng suất điện tử được thay bằng đồng hồ đo biến dạng và không tính hao phí vật liệu lá đatric điện trở.

3. Trong định mức chưa bao gồm tải trọng thí nghiệm dùng để đo (hoạt tải và tải trọng đi kèm trên nó).

4. Hao phí cho công tác chuẩn bị dân giáo, ca nô,... phục vụ công tác kiểm định (nếu có) được bổ xung vào định mức đối với từng trường hợp cụ thể.



5). ĐQ.100.50 ĐO DAO ĐỘNG KẾT CẤU NHỊP CẦU

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị thiết bị, vật liệu;
- Đánh dấu vị trí đo dao động; làm sạch bề mặt kết cấu tại vị trí đo;
- Lắp đặt thiết bị đo; kiểm tra kết nối giữa các thiết bị;
- Kiểm tra chế độ làm việc của các thiết bị bằng xe thử tải;
- Cho xe chạy vào cầu với các cấp tốc độ khác nhau (mỗi cấp tốc độ chạy ít nhất 03 lần và dừng khi số liệu đo ổn định);
- Ghi số liệu đo vào thiết bị và máy tính;
- Tháo dỡ thiết bị; vệ sinh, thu dọn hiện trường;

Đơn vị tính: 1 điểm đo

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
ĐQ.100	Đo dao động kết cấu nhịp cầu	Vật liệu		
		Giấy ráp	m2	0,0500
		Axeton	lit	0,2000
		Sơn đánh dấu vị trí	kg	0,1000
		Thuốc thép	cái	0,1000
		Vật liệu khác	%	5
		Nhân công		
		Công nhân bậc 4,0/7	công	0,60
		Kỹ sư bậc 4,0/8	công	0,30
		Máy thi công		
		Máy đo dao động điện từ (kèm đầu đo dao động 3 chiều)	ca	0,16
		Máy tính xách tay	ca	0,16
		Máy phát điện 5kV	ca	0,16
		Máy bộ đàm	ca	0,42
				50

Ghi chú

1. Định mức được xác định với điều kiện thực hiện đo cầu có kết cấu nhịp giản đơn. Trường hợp thực hiện đo cầu có kết cấu nhịp liên tục hao phí nhân công, máy thi công được điều chỉnh với hệ số $k=1,2$.

2. Trong định mức chưa bao gồm tải trọng thí nghiệm dùng để đo (hoạt tải và tải trọng đi kèm trên nó).

3. Hao phí cho công tác chuẩn bị dàn giáo, ca nô,... phục vụ công tác kiểm định (nếu có) được bổ xung vào định mức đối với từng trường hợp cụ thể.



6). ĐQ.100.60 ĐO DAO ĐỘNG VÀ CHUYỂN VỊ MÔ, TRỤ CẦU

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị thiết bị, vật liệu, khảo sát thực địa, lập phương án đo;
- Đánh dấu vị trí đo dao động; làm sạch bề mặt kết cấu tại vị trí đo;
- Lắp đặt thiết bị đo; kiểm tra kết nối giữa các thiết bị;
- Kiểm tra chế độ làm việc của các thiết bị bằng xe thử tải;
- Cho xe chạy vào cầu với các cấp tốc độ khác nhau (mỗi cấp tốc độ chạy ít nhất 03 lần và dừng khi số liệu đo ổn định);
- Ghi số liệu đo vào thiết bị và máy tính;
- Tháo dỡ thiết bị; vệ sinh, thu dọn hiện trường;

Đơn vị tính: 1 điểm đo

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
ĐQ.100	Đo dao động và chuyển vị mô, trụ cầu	<i>Vật liệu</i>		
		Giấy ráp	m2	0,0500
		Axeton	lít	0,2000
		Sơn đánh dấu vị trí	kg	0,1000
		Thuốc thép	cái	0,1000
		Vật liệu khác	%	5
		<i>Nhân công</i>		
		Công nhân bậc 4,0/7	công	0,59
		Kỹ sư bậc 4,0/8	công	0,60
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy đo dao động điện tử (kèm đầu đo dao động 3 chiều)	ca	0,12
		Máy tính xách tay	ca	0,14
		Máy phát điện 5kV	ca	0,14
		Máy bộ đàm	ca	0,39
				60

Ghi chú

1. Định mức được xác định với điều kiện thực hiện đo cầu có kết cấu nhịp giản đơn. Trường hợp thực hiện đo cầu có kết cấu nhịp liên tục hao phí nhân công, máy thi công được điều chỉnh với hệ số $k=1,2$.

2. Trong định mức chưa bao gồm tải trọng thí nghiệm dùng để đo (hoạt tải và tải trọng đi kèm trên nó).

3. Hao phí cho công tác chuẩn bị dân giáo, ca nô,... phục vụ công tác kiểm định (nếu có) được bổ xung vào định mức đối với từng trường hợp cụ thể.



7). ĐQ.200.10 NỒI CỌC BÊ TÔNG CỐT THÉP 35x35cm BẰNG HỘP THÉP TẮM

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị thiết bị, vật liệu;
- Đo, đánh dấu chi tiết trên thép cần gia công;
- Gia công hộp thép tấm theo đúng thiết kế theo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Vệ sinh, thu dọn hiện trường.

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
ĐQ.200	Nồi cộc bê tông cốt thép 35x35cm bằng hộp thép tấm	Vật liệu		
		Thép hình, thép tấm	kg	96,89
		Que hàn	kg	8,42
		Vật liệu khác	%	5
		Nhân công		
		Nhân công bậc 4,0/7	công	1,62
		Máy thi công		
		Máy hàn 23kW	ca	0,27
		Máy khác	%	5
				10

Ghi chú

Thiết bị thi công phục vụ nồi cộc đã tính trong định mức đóng cộc.



8). ĐQ.200.20 SẢN XUẤT, LẮP DỰNG CỐT THÉP CỌC KHOAN NHỒI SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP NỐI CỐT THÉP BẰNG CỌC NỐI, ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP >18mm

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị thiết bị, vật liệu;
- Gia công, lắp dựng cốt thép, nối cốt thép bằng cọc nối theo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Vận chuyển vật liệu trong cự ly 30m;
- Vệ sinh, thu dọn hiện trường.

Đơn vị tính: 1 tấn

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
ĐQ.200	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cọc khoan nhồi sử dụng phương pháp nối cốt thép bằng cọc nối, đường kính cốt thép >18mm	Vật liệu		
		Thép tròn D>18mm	kg	1.020
		Dây thép	kg	14,28
		Que hàn	kg	2,10
		Cóc nối D22	cái	11,43
		Cóc nối D25	cái	7,62
		Cóc nối D28	cái	21,46
		Vật liệu khác	%	2
		Nhân công		
		Nhân công bậc 3,5/7	công	10,80
		Máy thi công		
		Máy hàn 23kW	ca	0,52
		Máy cắt uốn 5kW	ca	0,16
		Cần cẩu 25 tấn	ca	0,12
		Máy nén khí 600m3/h kèm đầu bắn	ca	2,62
		Máy khác	%	5
				20



9). ĐQ.300.10 LẮP DẦM BẢN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC BẰNG CẦU TRÊN CẠN, KHẤU ĐỘ DẦM 24m

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, thiết bị, vật liệu; rải thép tấm lót đường;
- Lắp dựng, tháo dỡ đường trượt; cầu lắp dầm vào đúng vị trí và hoàn chỉnh theo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Vận chuyển vật liệu trong cự ly 30m;

Đơn vị tính: 1 dầm

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
ĐQ.300	Lắp dầm bản bê tông dự ứng lực bằng cầu trên cạn, khẩu độ dầm 24m	Vật liệu		
		Thép tấm	kg	26,85
		Vật liệu khác	%	10
		Nhân công		
		Nhân công bậc 4,5/7	công	1,88
		Máy thi công		
		Cần cẩu bánh xích 80 tấn	ca	0,25
		Máy khác	%	5
				10

Ghi chú

Trong định mức chưa bao gồm hao phí cho công tác vận chuyển dầm từ bãi đúc ra vị trí lắp đặt bằng xe chuyên dụng.



10). ĐQ.300.20 VẬN CHUYỂN DÂM SUPPER T BẰNG ĐƯỜNG SÔNG, TRỌNG LƯỢNG DÂM >60 TẤN

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, thiết bị, vật liệu;
- Neo buộc, kê chèn dâm đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Dùng hệ nổi có đầu kéo vận chuyển đến địa điểm xây lắp.

Đơn vị tính: 1 dâm/10km

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤ 10km	10km tiếp theo
ĐQ.300	Vận chuyển dâm supper T bằng đường sông, trọng lượng dâm >60 tấn	Vật liệu			
		Gỗ kê	m3	0,0041	
		Vật liệu khác	%	5	
		Máy thi công			
		Hệ nổi 800 tấn	ca	0,22	0,11
		Đầu kéo 350cV	ca	0,22	0,11
		Máy khác	%	5	5
				21	22



11). ĐQ.300.30 DI CHUYỂN DẦM SUPPER T, TRỌNG LƯỢNG DẦM >60 TẤN

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, thiết bị, vật liệu;
- Vận chuyển đến cảng.

Đơn vị tính: 1dầm/100m

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
ĐQ.300	Di chuyển dầm supper T, trọng lượng dầm >60 tấn	Vật liệu		
		Gỗ kê	m3	0,027
		Vật liệu khác	%	10
		Nhân công		
		Nhân công bậc 3,0/7	công	0,19
		Máy thi công		
		Xe đầu kéo chuyên dụng	ca	0,09
		Máy khác	%	5
				30

Ghi chú

Trong định mức không bao gồm hao phí cho công tác nâng hạ dầm.

12). ĐQ.300.40 NÂNG HẠ DẦM SUPPER T, TRỌNG LƯỢNG DẦM >60 TẤN

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, thiết bị, vật liệu;
- Dùng cầu cẩu dầm lên phương tiện vận chuyển, neo buộc đúng yêu cầu kỹ thuật;

Đơn vị tính: 1 dầm

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
ĐQ.300	Nâng hạ dầm supper T, trọng lượng dầm >60 tấn	Vật liệu		
		Gỗ kê	m3	0,13
		Vật liệu khác	%	10
		Nhân công		
		Nhân công bậc 3,0/7	công	0,13
		Máy thi công		
		Cần cẩu 110 tấn	ca	0,13
		Máy khác	%	5
				40

MM